

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn
giữa chị Hoàng Thị G và anh Đỗ Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều;

2. Ông Phạm Duy Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX - ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị G và anh T vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2023, bản tự khai đề ngày 27 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Hoàng Thị G trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 tháng, đến tháng 01 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không tu chí làm ăn, có hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh T cơ hội nhưng anh T không thay đổi tính nết, thậm chí còn chửi mắng, đánh đập chị. Chị G đã đưa con H về Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 02 năm 2016. Vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi từ thời điểm đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2 Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Đỗ Thị Hải H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012. Sau khi ly hôn, chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con H, chị không yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về chia tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 28 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Đỗ Văn T trình bày:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị G đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh và chị G chung sống cùng với mẹ đẻ anh tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân: do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, anh T sống vi phạm pháp luật. Vợ chồng sống ly thân đã 06 - 07 năm nay. Nay chị G làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị G.

2.2 Về con chung: Anh và chị G có 01 con chung như chị G đã trình bày. Chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng con H từ khi con H được 03 tuổi cho đến nay. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con H, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh nhất trí giao cho chị G nuôi dưỡng con chung.

2.3 Về chia tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 29 tháng 6 năm 2023, ông Hoàng Văn Q (bố đẻ chị G) trình bày:

Sau khi kết hôn, chị G có nói chuyện với ông là anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian rất ngắn đến tháng 01 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, lười lao động, sống vi phạm pháp luật, không quan tâm đến mẹ con chị G. Chính vì vậy vợ chồng hay đánh, chửi nhau. Do đó chị G đã đưa con về tỉnh Hải Dương thuê nhà trọ và làm ăn ở đó, một mình nuôi con từ tháng 2 năm 2016 đến nay. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 2/2016, không ai quan tâm đến ai. Nay chị G xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị G vì anh chị sống ly thân nhau đã quá lâu nên khó có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chị G có 01 con chung như chị G trình bày. Trường hợp chị G và anh T ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị G có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: theo ông được biết, anh chị không có tài sản gì chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị G ở chung cùng gia đình anh T, đến tháng 02 năm 2016 thì chị G đưa con ra Hải Dương làm ăn và sinh sống tại đó. Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của chị G, anh T và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q cung cấp anh chị không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức xã hội nào tại địa phương.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 11 tháng 7 năm 2023, bà Đỗ Thị T (mẹ đẻ của anh Đỗ Văn T) trình bày:

Chị G và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2011. Sau khi kết hôn, chị G và anh T ở cùng nhà với bà tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, sống vi phạm pháp luật nên anh, chị thường hay đánh, chửi nhau. Chị G đã đưa con H về tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Anh, chị sống ly thân từ đó. Nay chị G khởi kiện xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị G, để chị G được ly hôn anh T vì anh chị không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh T và chị G có 01 con chung đúng như anh, chị đã trình bày, hiện đang do chị G nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà đề nghị giao cho chị G trực

tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung, không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức xã hội nào tại địa phương.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, địa phương cung cấp như sau: Sau khi kết hôn, anh T và chị G chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, sống vi phạm pháp luật. Anh T hay đánh, chửi chị G. Chị G đã đưa con H về tỉnh Hải Dương sinh sống từ năm 2016. Anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi từ thời điểm đó, không ai quan tâm đến ai. Gia đình và địa phương đã nỗ lực giáo dục, khuyên bảo anh T nhưng anh không thay đổi. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn anh T. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Đỗ Thị Hải H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012, hiện tại do chị G trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị G nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu H. Về tài sản chung: Địa phương không rõ anh chị có tài sản gì chung; về nợ chung: anh, chị không vay nợ chung cơ quan, tổ chức xã hội nào của địa phương.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: Anh T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Đỗ Văn T.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Hải H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012, chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+Về chia tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Chị G tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Hoàng Thị G có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Chị Hoàng Thị G và anh Đỗ Văn T đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị G và anh Đỗ Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 03 tháng 10 năm 2012 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được một thời gian rất ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Do anh T không tu chí làm ăn, sống vi phạm pháp luật. Chị G cũng đã cho anh T cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có tiến triển gì. Địa phương cũng đã kết hợp để giáo dục anh T nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Anh, chị đều xác định vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi đã lâu (từ tháng 2 năm 2016 đến nay), không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Qua xác minh tại UBND xã T và lấy lời khai của người làm chứng cũng thể hiện: Chị G và anh T sống ly thân mỗi người một nơi đã lâu.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Đỗ Văn T.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét điều kiện của chị G, quan điểm về con chung của chị G và anh T thấy: Chị G có nguyện vọng được nuôi con chung, chị G đã

giao nộp cho Tòa án Đơn xin xác nhận kèm Phiếu lương để chứng minh mức thu nhập bình quân hàng tháng hiện nay của chị Gái là 5.000.000 đồng /tháng. Anh T cũng nhất trí đề nghị Tòa án giao cho chị G nuôi dưỡng con chung vì hiện tại con đang ở cùng chị G, do chị G chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Đỗ Thị Hải H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị G trực tiếp nuôi con H. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị G và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị G tự nguyện chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Hải H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2012. Ghi nhận việc chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Gái, anh Toàn có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị G tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tại biên lai số 0001895 ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị G và anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; (ĐKKH số 30/2011 ngày 03/10/2011).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)